

Quyết định số: 12/2024/HS-GĐT

Ngày 17 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trí Tuệ.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm gồm có: ông Nguyễn Văn Dũng, ông Ngô Hồng Phúc, ông Lê Văn Minh và ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Huỳnh Văn T, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 03, xã Hòa A, huyện Phụng H, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hoá: lớp 6/12; nghề nghiệp: không; có vợ là Lưu Thị Mỹ L (là bị cáo trong cùng vụ án); tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 14/5/2020.

2. Lưu Thị Mỹ L, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 03, xã Thuận H, thị xã Long M, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hoá: lớp 8/12; nghề nghiệp: không; có chồng là Huỳnh Văn T (là bị cáo trong cùng vụ án) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 26/4/2020.

3. Võ Văn D, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phương L, xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hoá: lớp 9/12; nghề nghiệp: không; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 14/5/2020.

4. Lê Thanh D1, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 02, xã Vĩnh T, huyện Vị T, tỉnh Hà Giang; trình độ văn hoá: lớp 7/12; nghề nghiệp: không; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 27/4/2020.

Bị hại: - Anh Lê Phước G; đăng ký hộ khẩu trú tại Khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Lê Đức L1 và chị Lê Mỹ N; đăng ký hộ khẩu thường trú tại E9A, cư xá Nguyễn Đình C, Phường 4, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi ở: số 153/16 Nguyễn Văn H, phường TĐ, thành phố Thảo Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Huỳnh Văn T và Lê Phước G là bạn bè quen biết, do G còn nợ đối tượng tên T1 (không rõ nhân thân) là bạn của T số tiền 408.000.000 đồng về việc đánh bạc bằng hình thức cá độ đá gà qua mạng, T1 nhờ T tìm G để đòi tiền. T nói lại sự việc trên cho Lưu Thị Mỹ L là vợ T biết.

Khoảng 22 giờ ngày 23/10/2017, Lưu Thị Mỹ L thấy G đang ăn uống cùng bạn là chị Nguyễn Phương T2, anh Lê Đức L1 và vợ là chị Lê Mỹ N tại nhà hàng bia Bee Fox (số 11 Hàm N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) nên báo cho T biết. Tâm rủ bạn là Võ Văn D, Lê Thanh D1 và các đối tượng tên H, H1, C, C1 (chưa rõ nhân thân) cùng nhau đi bắt giữ G đưa về quán Ốc Xinh ở địa chỉ R11, đường Đặng Đại Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để buộc G trả nợ cho T. Do D đang ăn uống nên không đi cùng và nói với T là bắt G đưa về quán để giải quyết. D còn rủ thêm các đối tượng tên T3, N1, S (chưa rõ nhân thân) đi cùng.

Tại quán bia Bee Fox, các đối tượng D1, C1, T3, N1, S đứng ngoài, còn L, T, H, H1, C và C1 đến chỗ anh G, T kẹp cổ anh G và một số đối tượng không chế đưa anh G ra đường Hàm N lên xe mô tô do Tâm điều khiển, C ngồi phía sau giữ anh G để đưa về quán Ốc Xinh. Chị T2, anh L1 và chị N thấy vậy cũng đi theo. Tại quán Ốc Xinh, T và D đánh anh G, chị N can ngăn thì bị D tát một cái vào mặt. T nói với chị T2, chị N và anh L1 là G nợ T số tiền 390.000.000 đồng, nếu G không trả nợ thì không ai được về. Lo sợ bị T đánh nên anh L1 đứng ra nhận trả nợ thay cho G. T yêu cầu anh L1 đưa trước số tiền 50.000.000 đồng và viết giấy nợ theo mẫu mà T đưa với nội dung “tôi L1 có vay của T số tiền 340.000.000 đồng, hẹn 30 tây hàng tháng trả 10.000.000 đồng”, anh L1 đồng ý đưa trước cho T 50.000.000 đồng và viết giấy nợ số tiền 340.000.000 đồng rồi đưa cho T. Khoảng 02 giờ ngày 24/10/2017, lợi dụng T không để ý anh G đã chạy thoát. T cho chị N về lấy tiền và đến khoảng 02 giờ 15 phút chị N quay lại đưa cho T 30.000.000 đồng, lúc này T mới cho anh L1, chị N, chị T2 về.

Ngày 27/3/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Lê Đức L1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên Lê Đức L1 trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2022/HSST ngày 19/5/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm a khoản 2 Điều 123; điểm b khoản 1 (đối với T), khoản 2 Điều 51 (đối với T, L, D); Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt:

- Huỳnh Văn T 05 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, 04 năm tù về tội bắt, giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cả 02 tội là 09 năm tù;

- Lưu Thị Mỹ L 02 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, 01 năm tù về tội bắt, giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 03 năm tù;

- Võ Văn D 01 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, 03 năm tù về

tội bắt, giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 04 năm 06 tháng tù;

- Lê Thanh D1 01 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, 02 năm tù về tội bắt, giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 03 năm tù.

Ngoài ra, Huỳnh Văn T còn bị xử phạt 04 năm tù, Lưu Thị Mỹ L bị xử phạt 01 năm tù, Võ Văn D bị xử phạt 03 năm tù, Lê Thanh D1 bị xử phạt 02 năm tù cùng về tội bắt, giữ người trái pháp luật.

Ngày 30/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/KN-VKS-P2, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo về tội Cường đoạt tài sản và tăng hình phạt các bị cáo Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1.

Trong thời hạn luật định, Huỳnh Văn T, Võ Văn D, Lê Thanh D1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 717/2022/HS-PT ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định về phần trách nhiệm hình sự của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐ-VKSTC-V7 ngày 19/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 717/2022/HS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2022/HSST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự của Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 để xét xử sơ thẩm lại theo hướng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với các bị cáo về tội Cường đoạt tài sản.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 717/2022/HS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 216/2022/HSST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự của Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 để xét xử sơ thẩm lại theo hướng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015) đối với các bị cáo về tội Cường đoạt tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tội danh:

Khoảng 22 giờ ngày 23/10/2017 đến 02 giờ ngày 24/10/2017, tại quán bar Bee Fox, địa chỉ số 11 Hàm N, phường Nguyễn Thái B, Quận 1 và quán Ốc Xinh, địa chỉ R11 đường Đặng Đại Đ, phường Tân P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D và Lê Thanh D1 đã bắt, giữ trái pháp luật anh Lê Phước G nhằm mục đích ép buộc anh G trả nợ. Sau đó, T và các đồng phạm ép buộc anh Lê Đức L1 và chị Lê Mỹ N (là vợ anh L1) phải trả nợ thay cho anh G nhằm chiếm đoạt số tiền 390.000.000 đồng. Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 24/10/2017, khi chị N mang đến đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng thì T mới cho anh L1 và chị N về. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết án các bị cáo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật và tội Cường đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về hình phạt:

Về tình tiết định khung tăng nặng tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Trong vụ án này, các bị cáo đã có hành vi bắt giữ anh Lê Phước G, uy hiếp tinh thần nhằm gây áp lực để buộc anh G phải trả cho Huỳnh Văn T số tiền mà anh G còn nợ T. Về ý thức chủ quan, mục đích của các bị cáo là nhằm chiếm đoạt được số tiền 390.000.000 đồng. Việc T bắt anh Lê Đức L1 đưa trước 50.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ 340.000.000 đồng, anh L1 mới đưa được 30.000.000 đồng không làm thay đổi mục đích chiếm đoạt ban đầu của các bị cáo là 390.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo phải xác định theo số tiền mà các bị cáo mong muốn chiếm đoạt là 390.000.000 đồng để xác định khung, khoản đối với hành vi phạm tội của các bị cáo; số tiền chiếm đoạt được (30.000.000 đồng) là cơ sở để xác định trách nhiệm dân sự. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 390.000.000 đồng và phải bị xét xử về tội Cường đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định “mục đích của các bị cáo là nhằm chiếm đoạt số tiền 390.000.000 đồng nhưng thực tế các bị cáo chỉ mới chiếm đoạt được số tiền 30.000.000 đồng”, để xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là áp dụng không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ: tội Cường đoạt tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức. Do đó, thời điểm tội phạm hoàn thành là khi các bị cáo bắt giữ anh Lê Phước G và gây áp lực để buộc anh G phải trả số tiền 390.000.000 đồng. Tội phạm hoàn thành không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 390.000.000 đồng hay chưa. Tình tiết “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” là tình tiết định khung tăng nặng của khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên phải xem xét theo mục đích chiếm đoạt của các bị cáo. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm cho rằng cần xét xử các bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000

đồng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò và hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án:

[3.1]. Bị cáo Huỳnh Văn T là người giữ vai trò chính, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia vào việc bắt giữ anh G. T là người đánh anh G và đe dọa ép anh L viết giấy nhận nợ, trả nợ thay cho anh G nên T là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Các bị cáo Võ Văn D, Lưu Thị Mỹ L và Lê Thanh D1 phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, tuy nhiên, các bị cáo không tham gia ép anh L1 viết giấy nhận nợ và không giữ giấy tờ của anh L1, không hưởng lợi từ số tiền T chiếm đoạt của anh L1.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều ra đầu thú, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, đã bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b (đối với T), s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong đó, bị cáo Huỳnh Văn T có con nhỏ, có cậu ruột là thương binh hạng $\frac{3}{4}$. Các bị cáo Võ Văn D, Lưu Thị Mỹ L và Lê Thanh D1 phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức giản đơn. Trong quá trình điều tra các bị cáo đều khai rõ về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Mỹ L có con nhỏ, có chồng là bị cáo T trong cùng vụ án; bị cáo D có cô ruột là Bà mẹ Việt Nam anh Hùng, có chú ruột được tặng nhiều Huân, Huy chương; bị cáo D1 có con nhỏ, là lao động chính nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng Thẩm phán thấy rằng:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là áp dụng không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm có kháng nghị phúc thẩm nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm nên giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 phải bị xem xét trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền thực tế chiếm đoạt được không lớn; D, Mỹ L, D1 phạm tội với tính chất đồng phạm giúp sức giản đơn. Do đó, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[4]. Do có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử phúc thẩm lại theo hướng xét xử các bị cáo Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 về tội Cường đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/QĐ-VKSTC-V7 ngày 19/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 717/2022/HS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo hướng xét xử các bị cáo Huỳnh Văn T, Lưu Thị Mỹ L, Võ Văn D, Lê Thanh D1 về tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 7-VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND, VKSND TpHCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TpHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Trại tạm giam Công an TpHCM (04 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Những người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, VP, TKPCA, Vụ PC&QLKH, Ban thanh tra, Vụ 1(03b).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Tuệ